

Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 of Ministry of Finance)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE

Ngày báo cáo: 23/09/2022 / Reporting date: 23 Sep 2022

1	Công ty Quản lý Quỹ: Fund Management Company:	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam KIM Viet Nam Fund Management Co., Ltd
2	Ngân hàng Giám sát Supervising bank:	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
3	Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 - Mã chứng khoán: FUEKIV30 KIM GROWTH VN30 ETF - Securities symbol: FUEKIV30
4	Kỳ báo cáo: Reporting Date:	Từ ngày 16/09/2022 đến ngày 22/09/2022 From date 16 Sep 2022 to date 22 Sep 2022

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 22/09/2022	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 15/09/2022
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	346,519,905,707	330,816,665,616
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	825,047,394	827,041,664
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	8,250.47	8,270.41
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	353,254,814,945	346,519,905,707
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	802,851,852	825,047,394
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	8,028.51	8,250.47
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó	2103		
	Change of net asset value during the period, in which			
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities during the period	2103.1	(9,634,363,462)	(966,920,769)
	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ Change due to subscription, redemption during the period	2103.2	16,369,272,700	16,670,160,860
	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change due to profit distribution to investors during the period	2103.3		
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of net asset value per certificate in comparison to previous period	2104	(221.96)	(19.94)
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2105		
	Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2105.1	356,752,784,657	346,519,905,707
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105.2	68,797,098,034	68,797,098,034
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết)	2106		
	Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)			
	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates	2106.1		
	Tổng giá trị/ Total value	2106.2		
	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ	2107		
	Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate			
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	8,270	8,300
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	7,980	8,270
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price during the period in comparison to previous period	2110	(290)	(30)
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2111		
	Variance between market price and net asset value of one fund certificate			
	Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND)	2111.1	(48.51)	19.53
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2111.2	(0.60)%	0.24%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất	2112		
	Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks			
	Giá trị cao nhất/ Highest value (VND)	2112.1	10,160	10,160
	Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112.2	7,860	7,860

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

PHÓ TRƯỞNG TRUNG TÂM

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Đào Trọng Thanh

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Huỳnh Mai Thảo
TRƯỞNG PHÒNG VẬN HÀNH